

Bản án số: 85/2024/HS-ST

Ngày 12-08-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG Y XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

2. Bà Nguyễn Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 05 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 06 năm 2024; Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 03/TB-TA ngày 25 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/HSST-QĐ ngày 15 tháng 07 năm 2024, đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh năm 1978 tại xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Y và bà Trần Thị L (đều đã chết); có vợ, 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ 25/01/2024 đến ngày 28/01/2024 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; vắng mặt

Địa chỉ: Phó V, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

- Anh Nông Văn C, sinh năm 1980; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

- Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1982; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Z, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

- Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1979; có mặt

Địa chỉ: Thôn E, xã Vô E, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1979; có mặt

Địa chỉ: Phố X, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 13/9/2023, Bùi Văn T thuê lại nhà nghỉ Sinh B của bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 ở tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện Lục Nam để kinh doanh nhà nghỉ. Đến khoảng đầu tháng 01/2024 có Hoàng Thị A, sinh năm 1979, trú tại thôn E, xã Vô E, huyện Lục Nam và Nguyễn Thị S, sinh năm 1979 trú tại tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đến gặp T đặt vấn đề nếu khách có nhu cầu mua dâm thì T thông tin cho S và A đến bán dâm. Giữa T với A và S thỏa thuận mỗi lần bán dâm tại nhà nghỉ thu tiền là 300.000 đồng/01 lần, T được hưởng số tiền 100.000 đồng, còn A, S sẽ được hưởng số tiền 200.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 25/01/2024, Nông Văn C, sinh năm 1980, trú tại thôn M, xã D, huyện Lục Nam và Phạm Xuân Q, sinh năm 1982, trú tại thôn Z, xã P, huyện Lục Nam rủ nhau đến nhà nghỉ Sinh B để mua dâm. Đến nơi C đặt vấn đề với T gọi cho 02 nhân viên để C, Q mua dâm, T đồng ý. T bảo C, Q vào phòng 102, 203 để đợi nhân viên, sau đó C vào phòng 102, Q lên phòng 203. Cùng thời điểm này T điện thoại lần lượt cho S và A nói đến nhà nghỉ Sinh B để bán dâm, S và A đồng ý. Lúc sau A đi một mình đến trước thì T đưa cho A 02 bao cao su và bảo lên phòng 203 bán dâm. Sau khi A lên phòng thì S cũng đến nhà nghỉ, T đưa cho S 02 bao cao su và bảo S vào phòng 102 để bán dâm. Khi A lên phòng 203 thì Q hỏi A giá mua dâm, A trả lời là 300.000 đồng/01 lần/01 người, Q đưa cho A 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, do không có tiền trả lại nên A hẹn Q sau khi mua dâm xong sẽ trả lại tiền thừa cho Q. Sau đó A và Q tự cởi quần áo và quan hệ tình dục với nhau. Cùng thời điểm này S vào phòng 102 gặp C, C hỏi giá mua dâm thì S trả lời là 300.000 đồng/01 lần/01 người, C trả cho S 300.000 đồng. Sau đó S và C tự cởi quần áo và quan hệ tình dục với nhau. Đến 15 giờ 45 phút khi Q và A, C và S đang quan hệ tình dục với nhau thì bị Công an huyện Lục Nam cùng Công an thị trấn Đ, huyện Lục Nam kiểm tra bắt quả tang, thu giữ vật chứng, gồm:

- 01 bao cao su chưa sử dụng; 01 bao cao su đã sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp sim 0866420516 và số tiền 640.000 đồng của Nguyễn Thị S;

- 01 bao cao su chưa sử dụng; 01 bao cao su đã sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim 0916755401 và số tiền 500.000 đồng của Hoàng Thị A.

- Số tiền 1.400.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 lắp sim số 0945699634 của Bùi Văn T.

- 08 bao cao su (WaterFtotos) chưa sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra Bùi Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 58/CT-VKS ngày 16/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang truy tố Bùi Văn T về “Tội chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử A bố bị cáo Bùi Văn T phạm “Tội chứa mại dâm”. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T với mức án tù từ 15 đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 42 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 10 bao cao su chưa sử dụng; 02 bao cao su đã sử dụng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp sim 0866420516; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim 0916755401; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 lắp sim số 0945699634; số tiền 300.000 đồng của Nguyễn Thị S, số tiền 300.000 đồng Hoàng Thị A. Trả lại Nguyễn Thị S 340.000 đồng, Phạm Văn Q 200.000 đồng; trả lại Bùi Văn T số tiền 1.400.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được E tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 15 giờ 45 phút, ngày 25/01/2024, tại nhà nghỉ Sinh B ở tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, Bùi Văn T là chủ nhà nghỉ đang có hành vi chứa chấp cho Nguyễn Thị S bán dâm cho Nông Văn C tại phòng 102 và Hoàng Thị A bán dâm cho Phạm Xuân Q tại phòng 203 để thu lợi bất chính thì bị Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phối hợp cùng Công an thị trấn Đ, huyện Lục Nam kiểm tra, bắt quả tang thu giữ vật chứng.

[3] Hành vi của bị cáo Bùi Văn T đã đủ yếu tố cấu thành “Tội chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số: 58/CT-VKS ngày 16/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, lối sống lành mạnh của dân tộc và trật tự xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi Q hình cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, thể hiện ở việc ngoài việc phạm tội lần này, trước đó bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bố đẻ bị cáo là ông Bùi Văn Y được Chủ tịch nước cộng Y xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Anh trai bị cáo Bùi Văn Nhã là Liệt sĩ, được Chủ tịch nước thưởng Huân chương chiến công hạng ba. Sau khi bố mẹ bị cáo chết, bị cáo đang là người thờ cúng Liệt sĩ Bùi Văn Nhã. Bố vợ bị cáo là ông

Nguyễn Trọng Khoát được Thủ tướng Chính phủ thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang vì đã làm tròn nhiệm vụ phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương mặt trận dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba; Bộ quốc phòng cấp Giấy chứng nhận đeo huân chương vì đã được thưởng Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng nhì; Bộ tư lệnh tặng Bằng khen vì đã khắc phục khó khăn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ chiến đấu mùa mưa năm 1969; Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam tặng Giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm công sự sẵn sàng chiến đấu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, vì vậy xử phạt bị cáo với mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, nên ngoài hình phạt chính là phạt tù, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với mức phạt là 10.000.000 đồng.

[6] Đối với Nguyễn Thị B là chủ nhà nghỉ cho Bùi Văn T thuê để kinh doanh. Trong thời gian T phạm tội, bà B không có mặt tại địa phương. Bùi Văn T không bàn bạc, thỏa thuận gì về việc "Chứa mại dâm" với bà B nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[7] Đối với Nguyễn Thị S, Hoàng Thị A, Nông Văn C và Phạm Xuân Q có hành vi mua bán dâm. Công an huyện Lục Nam đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng: 10 bao cao su chưa sử dụng; 02 bao cao su đã sử dụng, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp sim 0866420516; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim 0916755401; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 lắp sim số 0945699634 các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trong tổng số tiền 2.540.000 đồng, có 300.000 đồng của Nguyễn Thị S; 500.000 đồng Hoàng Thị A, trong đó 300.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại có 340.000 đồng của Nguyễn Thị S, 200.000 đồng của Phạm Văn Q trả tiền thừa cho Hoàng Thị A (số

tiền 500.000 đồng) chưa lấy lại, 1.400.000 đồng của bị cáo Bùi Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Thị S, Phạm Văn Q và bị cáo Bùi Văn T, nhưng số tiền trả lại Bùi Văn T cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo về “Tội chứa mại dâm”. Thời gian thử thách là 03 năm, kể từ ngày A án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo Bùi Văn T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 10 bao cao su chưa qua sử dụng; 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp sim 0866420516; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim 0916755401; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 lắp sim số 0945699634. Số tiền 300.000 đồng của Nguyễn Thị S, 300.000 đồng Hoàng Thị A.

Trả lại Nguyễn Thị S 340.000 đồng, Phạm Văn Q 200.000 đồng; trả lại bị cáo Bùi Văn T 1.400.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày A án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã L
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân